

Số: 25 /2023/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 01 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, bao gồm:

a) Tài sản cố định tại cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên, tổ chức chính trị - xã hội.

b) Tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Các tài sản cố định khác không nằm trong phạm vi điều chỉnh của quyết định này thực hiện theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, gồm: Cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên, các tổ chức được giao quản lý tài sản cố định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

2. Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 3. Danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

1. Danh mục tài sản cố định đặc thù.

(Có Phụ lục số 01 kèm theo)

2. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình.

(Có Phụ lục số 02 kèm theo)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan Nhà nước thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 và các đơn vị, tổ chức sử dụng tài sản cố định căn cứ các nội dung quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính và Quyết định này để thực hiện tính hao mòn, ghi sổ kế toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, phát sinh các cơ quan, đơn vị kịp thời tổng hợp báo cáo, phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2023 và thay thế Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô

hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- L/đ UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Báo Điện Biên phủ;
- Như điều 5;
- Lưu: VT, KT *g*

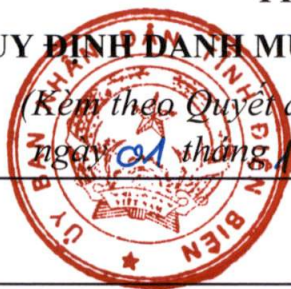
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

PHỤ LỤC SỐ 01
QUY ĐỊNH DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Kèm theo Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh)



STT	Danh mục
Loại 1	Tài sản đặc biệt trong lĩnh vực Văn hóa vật thể
I	Di tích cấp quốc gia đặc biệt
1	Di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ
II	Di tích cấp quốc gia
1	Di tích lịch sử hang Mường Tịch
2	Di tích lịch sử văn hóa thành Bản Phủ
3	Di tích kiến trúc nghệ thuật tháp Mường Luân
4	Di tích danh lam thắng cảnh động Pa Thơm
5	Di tích kiến trúc nghệ thuật thành Sam Mứn
6	Di tích kiến trúc nghệ thuật tháp Chiềng Sơ
7	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Khó Chua La
8	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Chua Ta
9	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Há Chớ
10	Di tích khảo cổ học hang Thẩm Khương
11	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Xá Nhè
12	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Pê Răng Ky
13	Di tích danh lam thắng cảnh hang Thẩm Khén
14	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Huổi Cang, Huổi Đáp
III	Di tích cấp tỉnh
1	Di tích lịch sử cách mạng Pú Nhung
2	Di tích lịch sử cách mạng dân quân Thanh An bắn rơi máy bay Mỹ
3	Di tích lịch sử văn hóa công trình Đại thủy nông Nậm Rốm
4	Di tích lịch sử nhà tù Lai Châu
5	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Mùn Chung
6	Di tích kiến trúc nghệ thuật thành Vàng Lồng
7	Di tích lịch sử Pú Vạp
8	Di tích lịch sử Xên Mường Thanh
9	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Hấu Chua
10	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Hắt Chuông
11	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Tìa Chớ
12	Di tích khảo cổ hang Thẩm Tâu
13	Di tích lịch sử Khu căn cứ cách mạng Vừ Pa Chay
14	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Bản Khá
15	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Thẩm Lóm
16	Di tích lịch sử Đồn Pháp

STT	Danh mục
Loại 2	Hiện vật, cổ vật
I	Hiện vật, cổ vật trưng bày trong Bảo tàng tỉnh
1	Trống đồng loại H2 gồm
	Trống đồng Noong Luông số 1
	Trống đồng Mường Đăng
	Trống đồng Na Luông
	Trống đồng Pe Luông
	Trống đồng Nà Sáy
	Trống đồng Chiềng Chung
	Trống đồng Na Luông số 1
	Trống đồng Na Luông số 2
	Trống đồng Pom Ban
	Trống đồng Co Sáng số 2
	Trống đồng Nà Hý số 2
	Trống đồng Nà Hý số 3
2	Trống đồng loại H3 gồm
	Trống đồng Noong Luông
	Trống đồng U va
	Trống đồng Bản Liếng
	Trống đồng Phiêng Quái
	Trống đồng Mường Ảng
	Trống đồng Co Sáng La
	Trống đồng Co Sáng
	Trống đồng Mường Ảng PB số 10
	Trống đồng Mường Ảng PB số 12
	Trống đồng Co Sáng số 1
	Trống đồng Pá Ban số 2
	Trống đồng Pá Ban số 3
	Trống đồng Pá Ban số 4
	Trống đồng Pá Ban số 5
	Trống đồng Pá Ban số 6
	Trống đồng Nà Hý số 1
	Trống đồng Pá Nặm A
	Trống đồng Nhôm Khao
	Trống đồng Chiềng Nưa
	Trống đồng Pá Ngam 1
3	Trống đồng loại H4 gồm
	Trống đồng Na Ngum
	Trống đồng Mường Lay

STT	Danh mục
	Trống đồng Pá Ban số 1
	Trống đồng Him Lam
4	Trang phục dân tộc gồm
	Trang phục dân tộc Thái
	Trang phục dân tộc Mông
	Trang phục dân tộc Dao
	Trang phục dân tộc Khơ Mú
	Trang phục dân tộc Hà Nhì
	Trang phục dân tộc Lào
	Trang phục dân tộc Cống
	Trang phục dân tộc Phù Lá
	Trang phục dân tộc Si La
	Trang phục dân tộc Tày
	Trang phục dân tộc Nùng
	Trang phục dân tộc Xinh Mun
	Trang phục dân tộc Thổ
	Trang phục dân tộc Kháng
	Trang phục dân tộc Sán Chỉ
	Trang phục dân tộc Mường
	Trang phục dân tộc Xạ Phang
5	Trang sức dân tộc gồm
	Trang sức dân tộc Thái
	Trang sức dân tộc Mông
	Trang sức dân tộc Dao
	Trang sức dân tộc Khơ Mú
	Trang sức dân tộc Hà Nhì
	Trang sức dân tộc Lào
	Trang sức dân tộc Cống
	Trang sức dân tộc Phù Lá
	Trang sức dân tộc Si La
	Trang sức dân tộc Tày
	Trang sức dân tộc Nùng
	Trang sức dân tộc Xinh Mun
	Trang sức dân tộc Thổ
	Trang sức dân tộc Kháng
	Trang sức dân tộc Sán Chỉ
	Trang sức dân tộc Mường
	Trang sức dân tộc Xạ Phang
6	Hiện vật kháng chiến gồm

STT	Danh mục
	Súng ngắn Bờ rào ning
	Súng CKC
	Súng Sten
	Súng trường Anh số 8213
	Súng trường MAS số 294694
	Súng trường Mỹ số 302578
	Súng trường Mỹ số 211675
	Vỏ bom
7	Hiện vật thời kỳ đổi mới gồm
	Máy tễ ngô
	Máy tuốt lúa
8	Hiện vật Đèo Văn Long gồm
	Bức thêu sa tanh
9	Hiện vật khác gồm
	Tượng quan âm
	Gạc hươu
	Ngà voi
	Tượng tín ngưỡng dân tộc Lào (Đồ thờ cúng)
	Tượng phật
	Con hạc (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
	Chuông đồng (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
	Đài đồng (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
	Lư hương (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
	Tượng bụt ốc
	Súng thần công
	Tượng (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
	Vạc đồng
	Nồi đồng
	Chuông đồng thị xã Lai Châu (Mường Lay)
	Chũm chọe
	Tượng Nà Tăm
	Lọ gốm
	Bát
	Liễn men ngọc
	Cốc chân cao
	Thuyền đuôi én
	Cọn nước
	Khung dệt
	Trống

STT	Danh mục
	Cối xay lúa
	Quạt hò (quạt thóc)
	Mâm đồng
II	Hiện vật trưng bày tại Bảo tàng chiến thắng Lịch sử Điện Biên Phủ
1	Súng trung liên 24-29
2	Súng tiểu liên K50
3	Súng tiểu liên Tuyn
4	Súng ngắn col 12
5	Súng Sten
6	Súng các bin
7	Súng trường
8	Súng Bazoka
9	Súng Stốc
10	Súng trọng liên Mas
11	Súng trọng liên 12,7mm
12	Súng cối 60mm
13	Súng trọng liên 4 nòng
14	Pháo 105 mm
15	Nòng pháo 155mm
16	Nòng pháo 105mm
17	Càng pháo 155mm
18	Pháo 155mm
19	Chân đế càng pháo
20	Súng DKZ 57mm
21	Súng DKZ 75mm
22	Súng phóng lựu
23	Son pháo 75mm
24	Hỏa tiễn H6
25	Súng máy phòng không 12,7mm
26	Pháo cao xạ 37 mm
27	Đế cối 60mm
28	Chân súng cối 60mm
29	Súng cối 60
30	Đế cối 81mm
31	Đế cối 82mm
32	Chân súng cối 81 mm
33	Nòng súng cối 120mm
34	Súng cối 120mm

STT	Danh mục
35	Chân súng đại liên Mas
36	Chân súng DKZ
37	Bình súng phun lửa
38	Bom phóng
39	Bom phá
40	Vỏ Bom phá
41	Xác xe cơ giới
42	Bộ quần áo lính pháp
43	Ống nhôm
44	Máy ảnh
45	Bàn sắt
46	Xe cút kít
47	Xe tăng
48	Bồn tắm
49	Bàn làm việc
50	Cối xay cà phê
51	Máy phát điện
52	Máy in rô ni ô
53	Bình phun lửa
54	Khung giường sắt
55	Bộ Khung giường
56	Dù
III	Hiện vật trưng bày tại các di tích lịch sử
1	Xe tăng (Ettlingen chaffee 24)
2	Pháo 105mm
3	Xe tăng (Chaffee 24)
4	Pháo 155mm
5	Xe tăng (Dovaumant chaffee 24)
6	Xe tăng (Conti chaffee 24)
7	Xe tăng (Bazeille)
8	Súng trọng liên 4 nòng
IV	Hiện vật tại Khu tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp thuộc di tích
	Sở Chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ tại Mường Phăng
1	Tượng Đại tướng Võ Nguyên Giáp
2	Đỉnh đồng
3	Chân nến

STT	Danh mục
4	Hạc đồng
5	Hoành phi chương
6	Hạ xá giữa
7	Cửa võng giữa
8	Câu đối trong và câu đối ngoài
9	Bàn ô xa (bàn thờ)
10	Ngai, bệ
11	Lọ sen
12	Cuốn thư
13	Bàn sắp lễ
V	Hiện vật tại Đền thờ Liệt sỹ tại chiến trường Điện Biên Phủ (Di tích đồi F)
1	Bàn thờ
2	Bàn đặt lễ
3	Lư hương
4	Đỉnh đồng
5	Hạc đồng
6	Lục bình gỗ
7	Chân nến
8	Câu đối
9	Hoành phi
10	Vách hậu
11	Bài vị
12	Bát hương
VI	Tại Di tích Đồi A1
1	Bàn thờ
2	Lục bình gốm
3	Bát hương

STT	Danh mục
4	Lộ hoa sen
5	Hoành phi, câu đối
6	Hạc đồng
7	Lư hương
VII	Tại Trung tâm văn hóa Cựu chiến binh (Di tích Đồi E2)
1	Bát hương
2	Lục bình gốm
3	Bàn thờ
4	Hoành phi, câu đối

PHỤ LỤC SỐ 02

QUY ĐỊNH THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Kèm theo Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Danh mục	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
I	Quyền tác giả		
	Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa	50	2
	Tác phẩm sân khấu, điện ảnh	50	2
	Tác phẩm âm nhạc	50	2
	Tác phẩm báo chí	50	2
	Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật	50	2
	Tác phẩm nhiếp ảnh	50	2
	Quyền tác giả khác	50	2
II	Quyền sở hữu công nghiệp		
	Bằng sáng chế	20	5
	Nhãn hiệu	10	10
	Kiểu dáng công nghiệp	15	6,67
	Khác	10	10
III	Quyền đối với giống cây trồng		
	Bằng bảo hộ giống cây thân gỗ	25	4
	Bằng bảo hộ giống cây trồng khác	20	5
IV	Phần mềm ứng dụng		
	Phần mềm kế toán	5	20
	Cơ sở dữ liệu	5	20
	Phần mềm tin học văn phòng	5	20
	Các phần mềm ứng dụng khác	5	20